**PHỤ LỤC 3: KẾ HOẠCH CHI TIẾT CUT-OVER CHO 200 THUÊ BAO ĐỢT 1**

(Thực hiện từ ngày 28/11/2014 đến hết ngày 29/11/2014)

1. MỤC TIÊU

* Phối hợp cut-over hệ thống, đưa 200 thuê bao đầu tiên (có danh sách kèm theo) lên hệ thống C1-RT,
* Kiểm tra và đối soát, đảm bảo tính an toàn, thông suốt của các hệ thống liên quan,
* Đảm bảo tính liên tục của toàn bộ các dịch vụ viễn thông của thuê bao,
* Đưa ra kết quả test, thống kê về hệ thống, và dịch vụ của 200 thuê bao đợt 1 - phục vụ cho quyết định cut-over cho đợt 2 (gồm 5000 thuê bao).

1. KẾT QUẢ CẦN ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI CUT-OVER ĐỢT 1 - PHỤC VỤ VIỆC QUYẾT ĐỊNH CUT-OVER ĐỢT 2

* Tất cả các dịch vụ (thoại, SMS, dữ liệu, roaming, các dịch GTGT, các dịch vụ khác) không bị gián đoạn của toàn bộ 200 thuê bao trong đợt đầu tiên. Có kết quả test thuê bao và dịch vụ từ các TT khu vực 1, 2, 3, 4, TT PTDV, OMC.
* Có thống kê số lượng cuộc gọi/SMS bị từ chối dịch vụ (từ MSCs, C1-RT) thuộc 200 thuê bao cut-over và các thuê bao test dịch vụ (cuộc gọi, SMS bị fail sau khi MSCs đã định tuyến việc điều khiển cuộc gọi sang C1-RT).
* Các thuê bao trong danh sách cut-over sử dụng dịch vụ không khác biệt so với trước khi cut-over (gọi IVR 900, các dịch vụ GTGT, Ez-pay),
* Các hệ thống vẫn ghi cước đầy đủ cho tất cả các dịch vụ (thoại, SMS, data, roaming, OCG/SDP, các nguồn khác) như trước khi cut-over,
* CSKH của Vinaphone có danh sách 200 thuê bao được cut-over các thắc mắc/khiếu nại liên quan đến khách hàng trong nhóm danh sách được tách ra và route về TT Cước xử lý.
* Các cuộc gọi, và SMS của 200 thuê bao trong danh sách đi qua tất cả các tổng đài hiện có của Vinaphone.
* Có được thống kê chi tiết (detail history) của toàn bộ các dịch vụ sử dụng bởi 200 thuê bao từ 02 hệ thống (hiện tại của TT Cước, và hệ thống mới C1-RT),

1. KẾT QUẢ THỰC TẾ SAU KHI CUT-OVER (KẾT QUẢ CÁC BÀI TEST, KIỂM TRA, THỐNG KÊ)
   1. **Đảm bảo tính liên tục cho các dịch vụ viễn thông cho 200 thuê bao cut-over**

Thực hiện và lưu kết theo biên bản test (hòa mạng) cut-over dịch vụ cho các dịch vụ cơ bản.

<Biên bản test hòa mạng cần sử dụng các nội dung dưới đây>.

**Bảng 1:** **Thử gọi đi**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Số gọi (Số test)** | **Số máy bị gọi** | **Kết quả (OK/NotOK/NA)** | **Yêu cầu/Ghi Chú** |
| 1 | Gọi đến máy VNP |  |  |  | Cuộc gọi thành công. Nếu không test, mục kết quả điền NA. |
| 2 | Gọi đến máy VMS |  |  |  | Cuộc gọi thành công |
| 3 | Gọi đến máy Viettel |  |  |  | Cuộc gọi thành công |
| 4 | Gọi đến máy PSTN |  |  |  | Cuộc gọi thành công |
| 5 | Gọi roaming trong nước |  |  |  | Cuộc gọi thành công |
| 6 | Gọi videocall |  |  |  | Cuộc gọi thành công |
| 7 | Gọi callforward |  |  |  | Cuộc gọi thành công |
| 8 | Gọi đến máy Gphone |  |  |  | Cuộc gọi thành công |
| 9 | Gọi đến máy quốc tế |  |  |  | Cuộc gọi thành công |
| *10* | ***Gọi Continue*** |  |  |  | Cuộc gọi thành công |

**Bảng 2: Thử các dịch vụ tin nhắn**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Số gọi (Số test)** | **Số máy bị gọi** | **Kết quả (OK/NotOK)** | **Yêu cầu** |
| 1 | Gửi đến máy VNP |  |  |  | Gửi tin nhắn thành công |
| 2 | Gửi đến máy VMS |  |  |  | Gửi tin nhắn thành công |
| 3 | Gửi đến máy Viettel |  |  |  | Gửi tin nhắn thành công |
| 4 | Gửi roaming trong nước |  |  |  | Gửi tin nhắn thành công |
| 5 | Gửi đến máy quốc tế |  |  |  | Gửi tin nhắn thành công |
| 6 | Gửi đến máy Gphone |  |  |  | Gửi tin nhắn thành công |
| 7 | Gửi sms Gia tăng |  |  |  | Gửi tin nhắn thành công |
| 8 | Gửi SMS đến các short-code dịch vụ của Vinaphone |  |  |  | Gửi tin nhắn thành công |
| 9 | ***Gửi Continue*** |  |  |  | Gửi tin nhắn thành công |

**Bảng 3: Thử các dịch vụ khác**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Số gọi (Số test)** | **Số máy bị gọi** | **Kết quả (OK/NotOK)** | **Yêu cầu** |
| 1 | Sử dụng dữ liệu data |  |  |  | Sử dụng dữ liệu như bình thường. |
| 2 | Sử dụng dịch vụ MCA |  |  |  | Thành công |
| 3 | Sử dụng dịch vụ MMS |  |  |  | Thành công |
| 4 |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |  |
| 7 |  |  |  |  |  |
| 8 |  |  |  |  |  |

**Bảng 4: Thử dịch vụ roaming quốc tế (thuê bao Vinaphone đi roaming nước ngoài)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Số gọi (Số test)** | **Số máy bị gọi** | **Kết quả (OK/NotOK)** | **Yêu cầu** |
| 1 | Cuộc gọi về trong nước thành công |  |  |  | Cuộc gọi thành công |
| 2 | Cuộc gọi trong nước sở tại thành công |  |  |  | Cuộc gọi thành công |
| 3 | Cuộc gọi của thuê bao đang roaming sang nước thứ 3 thành công. |  |  |  | Cuộc gọi thành công |
| 4 | Nhắn tin SMS về trong nước thành công |  |  |  | Cuộc gọi thành công |
| 5 | Nhắn tin trong nước sở tại thành công |  |  |  | Cuộc gọi thành công |
| 6 | Nhắn tin của thuê bao đang roaming sang nước thứ 3 thành công. |  |  |  | Cuộc gọi thành công |
| 7 | Sử dụng dịch vụ data roaming |  |  |  | Thành công |
| 8 |  |  |  |  |  |

* 1. **Đảm bảo thuê bao sử dụng các dịch vụ không có khác biệt**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Dịch vụ** | **Kết quả cần đạt được** | **Kết quả thực tế** | **Ghi chú** |
| 01 | Dịch vụ IVR 900 | 200 thuê bao không gọi được IVR 900. |  |  |
| 02 | Dịch vụ Ez-pay Vinaphone | 200 thuê bao sử dụng dịch vụ Ez-pay bình thường như trước khi cut-over. |  |  |
| 03 | Dịch vụ USSD query | Các dịch vụ tra cứu, đăng ký, hủy dịch vụ qua USSD của 200 thuê bao trả sau vẫn thực hiện được như trước khi cut-over |  |  |
| 04 | Dịch vụ SMS to Shortcode cơ bản (888, đăng ký/hủy dịch vụ) | Các dịch vụ tra cứu, đăng ký, hủy dịch vụ qua SMS của 200 thuê bao trả sau vẫn được thực hiện như trước khi cut-over. |  |  |
| 05 |  |  |  | <Có thể bổ sung các dịch vụ cần Test, được test vào dưới đây> |
| 06 |  |  |  | <Có thể bổ sung các dịch vụ cần Test, được test vào dưới đây> |
| 07 |  |  |  | <Có thể bổ sung các dịch vụ cần Test, được test vào dưới đây> |
| 08 |  |  |  | <Có thể bổ sung các dịch vụ cần Test, được test vào dưới đây> |
| 09 |  |  |  | <Có thể bổ sung các dịch vụ cần Test, được test vào dưới đây> |
| 10 |  |  |  | <Có thể bổ sung các dịch vụ cần Test, được test vào dưới đây> |

* 1. Thống kê số lượng cuộc gọi/SMS bị từ chối dịch vụ (từ MSCs, C1-RT) thuộc 200 thuê bao cut-over và các thuê bao test dịch vụ.

Hệ thống C1-RT cần bật trace/log để monitor toàn bộ CAP2/CAP3 traffic từ MSC đổ vào hệ thống C1-RT (SGUs), sử dụng log/trace và thông tin có thể truy xuất được từ CSDL thuê bao C1-RT để đưa ra được các thông số sau đây (8h thực hiện một lần một lần)

(Đây là tổng số cuộc gọi/SMS bị fail sau khi đã route cuộc gọi vào hệ thống C1-RT)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Sau 8h** | **Sau 16h** | **Sau 24h** | **Sau 32h** | **Sau 40h** | **Phối hợp** |
| 01 | Tổng số cuộc gọi bị từ chối bởi C1-RT cho tổng 200 thuê bao + thuê bao test |  |  |  |  |  | Comverse, Elcom |
| 02 | Tổng số SMS bị từ chối bởi C1-RT cho tổng số 200 thuê bao + thuê bao test. |  |  |  |  |  |  |

* 1. Các hệ thống vẫn ghi cước đầy đủ cho tất cả các dịch vụ

Cần đảm bảo các hệ thống dưới đây vẫn ghi cước đầy đủ cho tất cả các dịch vụ của 200 thuê bao và toàn bộ các thuê bao trả sau khác (thoại, SMS, data, roaming, OCG/SDP, các nguồn khác) như trước khi cut-over.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Hệ thống sinh cước** | **Kết quả cần đạt được** | **Kết quả thực tế** | **Đơn vị phối hợp** | **Ghi chú** |
| 01 | Hệ thống Tổng đài MSCs, CDRs cước thoại Voice | Đầy đủ cước cho toàn bộ thuê bao trả sau (bao gồm 200 thuê bao đã cut-over) |  | OMC | PA đối soát đảm bảo cước, so sánh file CDRs từ nguồn MSCs và nguồn C1-RT được thực hiện bởi TT Cước và Elcom/Comverse. |
| 02 | Hệ thống Tổng đài MSCs, CDRs cước thoại Voice | Đầy đủ cước cho toàn bộ thuê bao trả sau (bao gồm 200 thuê bao đã cut-over). |  | OMC | PA đối soát đảm bảo cước, so sánh file CDRs từ nguồn MSCs và nguồn C1-RT được thực hiện bởi TT Cước và Elcom/Comverse. |
| 03 | Hệ thống OCG/SDP sinh cước đầy đủ cho các dịch vụ đi qua OCG/SDP | Đầy đủ cước GTGT cho toàn bộ thuê bao trả sau (bao gồm 200 thuê bao đã cut-over). |  | TT PTDV | TT Cước chịu trách nhiệm, TT PTDV hỗ trợ, rà soát đảm bảo hệ thống sinh cước như bình thường. |
| 04 | Hệ thống CMDs sinh cước đầy đủ cho các dịch vụ dữ liệu | Đầy đủ cước dữ liệu cho toàn bộ thuê bao trả sau (bao gồm 200 thuê bao đã cut-over). |  | TT PTDV | TT Cước chịu trách nhiệm, TT PTDV hỗ trợ, rà soát đảm bảo hệ thống sinh cước như bình thường. |
| 05 | Cước Roaming | Đầy đủ cước roaming quốc tế cho toàn bộ thuê bao trả sau (bao gồm 200 thuê bao đã cut-over). |  | VMS | TT Cước có PA kiểm tra và đối soát. |
| 06 | Đầy đủ CDRs Cước từ VMS cho cước roaming trong nước | Đầy đủ cước roaming trong nước cho toàn bộ thuê bao trả sau (bao gồm 200 thuê bao đã cut-over). |  |  | TT Cước có PA kiểm tra và đối soát. |
| 07 | Đầy đủ CDRs cước cho các dịch vụ khác (MMS, Web Portal, TĐ MEG, Q.T.Â.N) | Đầy đủ cước cho các dịch vụ khác được nêu. |  |  | TT Cước có PA kiểm tra và đối soát. |

* 1. Phương án Chăm sóc khách hàng có trong danh sách cut-over.

CSKH của Vinaphone có danh sách 200 thuê bao được cut-over các thắc mắc/khiếu nại liên quan đến khách hàng trong nhóm danh sách được tách ra và route về TT Cước xử lý.

**Các công việc cần thực hiện:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Công việc cần thực hiện** | **Kết quả cần đạt được** | **Kết quả thực tế** | **Đơn vị phối hợp** | **Ghi chú** |
| 01 | Thông báo, cập nhật thông tin danh sách 200 thuê bao cut-over cho toàn bộ nhân viên CSKH Vinaphone | Toàn bộ nhân viên CSKH có danh sách và thực hiện xử lý giải quyết các thắc mắc/khiếu nại liên quan đến danh sách này bằng cách route đến TT Cước. |  | CSKH Vinaphone | TT Cước gửi danh sách và thông báo đến bộ phận CSKH |
| 02 | Thành lập đội và đầu mối liên hệ, số trực của TT Cước 24/24 | Đội trực tiếp nhận và giải quyết các vấn đề liên quan đến 200 thuê bao của TT Cước được thành lập. |  | CSKH Vinaphone |  |

Thông tin đội chăm sóc và hỗ trợ khách hàng của TT Cước:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Trách nhiệm | Số ĐT | Email |
| 01 | Nguyễn Duy Đông | Đội trưởng | 0918333000 | [dongnd@vinaphone.vn](mailto:dongnd@vinaphone.vn) |
| 02 | Đặng Văn Hà | Kỹ thuật dự án, tiếp nhận các yêu cầu từ TTDV CSKH | 0913289386 | [hadv@vinaphone.vn](mailto:hadv@vinaphone.vn) |
| 03 | Ngô Thị Thanh Huyền | Kỹ thuật dự án, tiếp nhận các yêu cầu từ TTDV CSKH | 0917286789 | [huyenntt@vinaphone.vn](mailto:huyenntt@vinaphone.vn) |

* 1. Kiểm tra Các cuộc gọi, và SMS của 200 thuê bao trong danh sách đi qua tất cả các tổng đài hiện có của Vinaphone.

Các công việc cần thực hiện:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Công việc cần thực hiện** | **Kết quả cần đạt được** | **Kết quả thực tế** | **Đơn vị phối hợp** | **Ghi chú** |
| 01 | Cung cấp danh sách toàn bộ các tổng đài MSCs (MSC ID) của Vinaphone | Có được danh sách toàn bộ MSC ID các tổng đài của Vinaphone |  | OMC |  |
| 02 | Thực hiện theo dõi, bật log và monitor SGU trên hệ thống C1-RT | Theo dõi được toàn bộ traffic đi vào hệ thống C1-RT từ các tổng đài |  | COMVERSE |  |
| 03 | Thống kê call history, nhóm theo MSC ID cho 200 thuê bao cut-over. | Có thống kê cuộc gọi của 200 thuê bao theo từng MSC ID |  | COMVERSE |  |
| 04 | Kiểm tra toàn bộ MSC ID trong danh sách, có cuộc gọi đi qua. | Cuộc gọi đi qua toàn bộ MSC ID |  | COMVERSE |  |

* 1. Có được thống kê chi tiết (detail history) của toàn bộ các dịch vụ sử dụng bởi 200 thuê bao từ 02 hệ thống (hiện tại của TT Cước, và hệ thống mới C1-RT),

Sau 04h một lần sau khi cut-over, cả hai hệ thống (HT hiện tại và HT C1-RT) cần đưa ra được tổng hợp chi tiết toàn bộ các dịch vụ sử dụng của 200 thuê bao để so sánh đối chiếu cho các hạng mục dưới đây (cần có tổng hợp cước nóng mỗi 4h một lần):

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Công việc cần thực hiện** | **Kết quả cần đạt được** | **Kết quả thực tế** | **Đơn vị phối hợp** | **Ghi chú** |
| 01 | Kiểm tra, đối chiếu các cuộc gọi | Số lượng cuộc gọi thể hiện trên hệ thống cũ phải nhiều hơn hoặc bằng số lượng cuộc gọi trên C1-RT (trong cùng một thời điểm), |  | TT Cước, ELCOM |  |
| 02 | Kiểm tra, đối chiếu số lượng SMS | Số lượng cuộc nhắn SMS thể hiện trên hệ thống cũ phải nhiều hơn hoặc bằng số lượng cuộc gọi trên C1-RT (trong cùng một thời điểm), |  | TT Cước, ELCOM |  |
| 03 | Kiểm tra, đối chiếu lưu lượng sử dụng dữ liệu (data) | Cả hai hệ thống đưa ra kết quả sử dụng dữ liệu data, lưu lượng sử dụng có thể cho phép chênh lệch ở pha hiện tại. |  | TT Cước, ELCOM |  |
| 04 | Kiểm tra, đối chiếu các dịch vụ roaming quốc tế | Xuất hiện các dịch vụ roaming (nếu có phát sinh dịch vụ từ thuê bao) trên cả hai hệ thống. |  | TT Cước, ELCOM |  |
| 05 | Kiểm tra, đối chiếu các dịch vụ GTGT, dịch vụ khác | Xuất hiện các dịch vụ khác, dịch vụ GTGT (nếu có phát sinh dịch vụ từ thuê bao) |  | TT Cước, ELCOM |  |

1. CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

TT Cước sẽ chịu trách nhiệm là đầu mối chính trong việc phối hợp với đối tác Elcom-Comverse để đưa toàn bộ thuê bao trả sau lên hệ thống C1-RT.

### Nhân sự, cán bộ Công ty Vinaphone

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Trách nhiệm | Số ĐT | Email |
| Trung tâm Tính cước | | | | |
| 01 | Hồ Thanh Hải | Chủ nhiệm dự án | 0913200175 | [haihothanh@vinaphone.vn](mailto:haihothanh@vinaphone.vn) |
| 02 | Hoàng Phi Long |  |  | longhp@vinaphone.vn |
| 03 | Lưu Đức Chính |  |  | [chinhld@vinaphone.vn](mailto:chinhld@vinaphone.vn) |
| 04 | Trần Xuân Chiên |  |  | chientx@vinaphone.vn |
| 05 | Nguyễn Duy Đông | Kỹ thuật dự án | 0918333000 | [dongnd@vinaphone.vn](mailto:dongnd@vinaphone.vn) |
| 06 | Nguyễn Cao Cường | Kỹ thuật dự án |  | [cuongnc@vinaphone.vn](mailto:cuongnc@vinaphone.vn) |
| 07 | Đặng Văn Hà | Kỹ thuật dự án |  | [hadv@vinaphone.vn](mailto:hadv@vinaphone.vn) |
| 08 | Ngô Thị Thanh Huyền | Kỹ thuật dự án |  | [huyenntt@vinaphone.vn](mailto:huyenntt@vinaphone.vn) |
| 09 | Dương Việt Hùng | Kỹ thuật dự án |  | [dvhung@vinaphone.vn](mailto:dvhung@vinaphone.vn) |
| 10 | Bùi Hồng Phú | Kỹ thuật dự án |  | [phubh@vinaphone.vn](mailto:phubh@vinaphone.vn) |
| 11 | Hoàng Văn Trịnh | Kỹ thuật dự án |  | [trinhhv@vinaphone.vn](mailto:trinhhv@vinaphone.vn) |
| 12 | Nguyễn Ngọc Tuấn | Kỹ thuật dự án |  | [nntuan@vinaphone.vn](mailto:nntuan@vinaphone.vn) |
| 13 | Nguyễn Thị Hoàn | Kỹ thuật dự án |  | [hoannt@vinaphone.vn](mailto:hoannt@vinaphone.vn) |
| 14 | Phạm Tùng Phương | Kỹ thuật dự án |  | [tungphuong@vinaphone.vn](mailto:tungphuong@vinaphone.vn) |
| 15 | Đinh Thị Thanh Hải | Kỹ thuật dự án |  | [haidtt@vinaphone.vn](mailto:haidtt@vinaphone.vn) |
| Trung tâm OMC | | | | |
| 16 |  |  |  |  |
| 17 |  |  |  |  |
| Trung tâm PTDV | | | | |
| 18 | Trần Đức Lương |  |  |  |
| 19 |  |  |  |  |

### Nhân sự, cán bộ Công ty ELCOM/COMVERSE

Nhân sự, cán bộ công ty ELCOM

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Trách nhiệm | Số ĐT | Email |
| 01 | Phùng Đông | Chủ nhiệm dự án |  | [**dongp@elcom.com.vn**](mailto:dongp@elcom.com.vn) |
| 02 | Nguyễn Xuân Hòa | Phụ trách kỹ thuật | +84918765801 | [**hoanx@elcom.com.vn**](mailto:hoanx@elcom.com.vn) |
| 03 | Nguyễn Đức Hinh | Quản lý dự án, module C1 ORP, C1 Rerate | +84918946796 | [**hinhnd@elcom.com.vn**](mailto:hinhnd@elcom.com.vn) |
| 04 | Trần Hữu Nguyên | Kỹ sư phát triển | +84984251186 | [**nguyenth@elcom.com.vn**](mailto:nguyenth@elcom.com.vn) |
| 05 | Nguyễn Hữu Đạo | Kỹ sư phát triển | +841663910495 | [**daonh@elcom.com.vn**](mailto:daonh@elcom.com.vn) |
| 06 | Hoàng An Thái | Kỹ sư phát triển | +841689947509 | [**thaiha@elcom.com.vn**](mailto:thaiha@elcom.com.vn) |
| 07 | Kiều Thị Mai Phương | Phụ trách thử nghiệm (test) | +84935379525 | [**phuongktm@elcom.com.vn**](mailto:phuongktm@elcom.com.vn) |
| 08 | Nguyễn Thị Thu Hương | Kỹ sư, Tester | +84975960155 | [**Huongntt3@elcom.com.vn**](mailto:Huongntt3@elcom.com.vn) |
| 09 | Lê Thị Ngọc Huyền | Kỹ sư, Tester | +84988028219 | [**huyenltn@elcom.com.vn**](mailto:huyenltn@elcom.com.vn) |
| 10 | Nguyễn Hoàng Anh | Kỹ sư, hỗ trợ kỹ thuật | +84946669808 | [anhnh@elcom.com.vn](mailto:anhnh@elcom.com.vn) |
| 11 | Minh Đức | Kỹ sư, hỗ trợ kỹ thuật |  |  |

Nhân sự, cán bộ công ty COMVERSE

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Trách nhiệm | Số ĐT | Email |
| 01 | Yaron Abramovich | Project Director | +972-54-4322440 | [Yaron.Abramovich@comverse.com](mailto:Yaron.Abramovich@comverse.com) |
| 02 | Đào Việt Hưng | Project Manager | +84-91-2817340 | [DaoViet.Hung@comverse.com](mailto:DaoViet.Hung@comverse.com) |
| 03 | Veokeki Thanapong | Deployment Technical Lead | +66-818-154-011 | [Thanapong.Veokeki@comverse.com](mailto:Thanapong.Veokeki@comverse.com) |
| 04 | Nguyen Hai Ha | Deployment Engineer | +84-914-993-913 | [HaiHa.Nguyen@comverse.com](mailto:HaiHa.Nguyen@comverse.com) |
| 05 | Dinh Kim Cuong | Deployment Engineer | +84-918-766-032 | [KimCuong.Dinh@comverse.com](mailto:KimCuong.Dinh@comverse.com) |
| 06 | Nguyen Khac Thang | Deployment Engineer | +84-904-385-538 | [Thang.NguyenKhac@comverse.com](mailto:Thang.NguyenKhac@comverse.com) |
| 07 | Doan Tran Tuan | Deployment Engineer | +84-904-385-538 | [Tuan.DoanTran@comverse.com](mailto:Tuan.DoanTran@comverse.com) |
| 08 | Trinh Duc Cuong | Deployment Engineer | +84-918-764-960 | [Cuong.TrinhDuc@comverse.com](mailto:Cuong.TrinhDuc@comverse.com) |
| 09 | Hoang Chi Thang | Deployment Engineer | +84-918-765-682 | [ChiThang.Hoang@comverse.com](mailto:ChiThang.Hoang@comverse.com) |
| 10 | Satpathy Abhisheka | Deployment Engineer | +91-9-9996-33694 | [Abhisheka.Satpathy@comverse.com](mailto:Abhisheka.Satpathy@comverse.com) |
| 11 | Palayyan Saraswat Bensilal | Deployment Engineer | +91-9-9456-33766 | [Bensilal.PalayyanSaraswathy@comverse.com](mailto:Bensilal.PalayyanSaraswathy@comverse.com) |
| 12 | Arun Dubey | GLS Customer Lead | +91-9-8192-82422 | [Arun.Dubey@comverse.com](mailto:Arun.Dubey@comverse.com) |

1. CÁC BƯỚC CHI TIẾT THỰC HIỆN CUT-OVER 200 THUÊ BAO ĐỢT 1

Các bước thực hiện (mức chi tiết) – CUTOVER CHO 200 THUÊ BAO ĐẦU TIÊN THUỘC PHA 1 – HỆ THỐNG C1-RT

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Trách nhiệm | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian kết thúc | Ghi chú |
| 1. Các công tác chuẩn bị, sẵn sàng phục vụ cut-over pha 1. | | | | | | |
| 01 | Đảm bảo các điều kiện cần thiết phục vụ Cut-Over đã hoàn thành và sẵn sàng *(danh sách check list được mô tả trong tài liệu phương án Cut-Over pha 1)* | TT Cước | ELCOM, COMVERSE, Các phòng ban liên quan | 10/11/2014 | 28/11/2014 | Không ảnh hưởng đến thuê bao và dịch vụ |
| 04 | TT Cước chuẩn bị và cung cấp CSDL thuê bao trả sau để khai báo và đồng bộ lên C1-RT (bản cập nhật đến ngày 27/11/2014) | TT Cước | Comverse, Elcom | 21/11/2014 | 27/11/2014 | TT Cước cung cấp các version khác nhau của CSDL thuê bao trả sau (từ 1 đến 2 ngày một lần), bản CSDL cuối cùng vào ngày 27/11/2014. |
| 05 | Thực hiện khai báo toàn bộ CSDL thuê bao trả sau (đến ngày 27/11/2014) lên hệ thống C1-RT. Đảm bảo đến hết ngày 27/11/2014, toàn bộ thuê bao trả sau đã được khai báo chính xác và đồng bộ trên C1-RT. | COMVERSE | TT Cước, Elcom | 21/11/2014 | 27/11/2014 | Comverse sẽ thực hiện khai báo (migration) đưa thuê bao trả sau lên hệ thống C1-RT theo các version được cung cấp bởi TT Cước, Comverse thực hiện reconciles thuê bao hàng ngày để đảm bảo thuê bao trên C1-RT đồng bộ với CSDL thuê bao thật của TT Cước.  <Chi tiết các bước thực hiện, tài liệu: Vinaphone-C1\_RT Migration\_LegacyFile Definition\_v\_2.5> |
| 06 | Kiểm tra, rà soát lại thuê bao trên C1-RT, kiểm tra tính chính xác, đồng bộ và sẵn sàng cho việc cut-over pha 1. | TT CƯỚC, COMVERSE | ELCOM, COMVERSE | 08h sáng 28/11/2014  (Ngày 01) | 23h đêm 28/11/2014  (Ngày 01) | Không ảnh hưởng đến thuê bao và dịch vụ. Việc kiểm tra, rà soát và cung cấp báo cáo về đối soát thuê bao (subscriber reconciliation reports) cần được thực hiện hàng ngày, ít nhất đến hết ngày 31/12/2014.  <Chi tiết các bước thực hiện, tài liệu: Vinaphone-C1\_RT Migration\_LegacyFile Definition\_v\_2.5> |
| 07 | Các đơn vị cần phối hợp (TT Cước, OMC, TT PTDV, Cán bộ các Trung tâm, Comverse, Elcom…) , đã sẵn sàng cho việc Cut-Over | VNP, ELCOM, COMVERSE, Các phòng ban liên quan |  | 22h đêm 28/11/2014  (Ngày 01) | 00h đêm 29/11/2014  (Ngày 01) | Đầu mối, cán bộ của các đơn vị sẵn sàng phối hợp và hỗ trợ cut-over thuê bao trả sau lên C1-RT. |
| 1. Bắt đầu thực hiện CUT-OVER thuê bao đợt 1: 200 thuê bao đầu tiên | | | | | | |
| 08 | Kiểm tra toàn bộ thuê bao trả sau có trong danh sách 200 thuê bao cut-over đã được khai báo trên hệ thống C1-RT. | COMVERSE | TT CƯỚC | 22h đêm 28/11/2014  (Ngày 01) | 00h đêm 29/11/2014  (Ngày 01) | * Đưa ra số thuê bao thuộc danh sách được cho mà chưa được khai báo lên hệ thống C1-RT, * Thực hiện tra cứu, đối soát với thông tin CSDL thuê bao hiện có để cập nhật thuê bao lên C1-RT nếu có đủ thông tin; hoặc * Đề xuất đưa thuê bao này ra khỏi danh sách cut-over nếu chưa có đủ thông tin để khai báo lên C1-RT.   (Cách thực hiện tương tự bước 06) |
| 09 | Chuyển đổi profile thuê bao đợt 1 trên HLRs (để định tuyến việc tính cước online cuộc gọi và SMS đến C1-RT qua giao diện CAP2 & CAP3), | TT CƯỚC, | TT CƯỚC, ELCOM, COMVERSE | 00:05h sáng 29/11/2014  (Ngày 02) | 00h30’ sáng 29/11/2014  (Ngày 02) | Danh sách thuê bao sẽ là nhóm đầu tiên, gồm 200 thuê bao, danh sách thuê bao TT Cước sẽ chuẩn bị. Không ảnh hưởng đến thuê bao và dịch vụ. |
| 10 | Kiểm tra profile của 200 thuê bao đã được chuyển đổi thành công trên HLR | OMC | TT CƯỚC | 00h30’ sáng 29/11/2014  (Ngày 02) | 01h30’ sáng 29/11/2014  (Ngày 02) | OMC kiểm tra trên HLR, profiles của các thuê bao đã được chuyển đổi sang profile trả sau mới: thành công, không bị lỗi. |
| 11 | Các hệ thống tại TT Cước đẩy CDRs cước cho các thuê bao trả sau thuộc danh sách đợt 1 (hoặc toàn bộ) vào hệ thống C1-RT. (Tính cước offline cho các dịch vụ: dữ liệu, roaming, OCG/SDP, MMS, các dịch vụ khác…) | TT CƯỚC | ELCOM, COMVERSE | 00:05h sáng 29/11/2014  (Ngày 02) |  | Danh sách thuê bao sẽ là nhóm đầu tiên, từ 200 thuê bao. Không ảnh hưởng đến thuê bao và dịch vụ. |
| 12 | Test thử BCT (basic calls tests) cho tất cả các dịch vụ đối với thuê bao đợt 1. | TT CƯỚC | ELCOM, COMVERSE | 00h30’ sáng 29/11/2014  (Ngày 02) | 04h sáng 29/11/2014  (Ngày 02) | Kiểm tra dịch vụ thông suốt, đảm bảo dịch vụ không bị gián đoạn sau khi cutover thuê bao đợt 1. Thực hiện test theo tài liệu và các điều kiện mô tả tại mục 3.1; 3.2; 3.3 kết quả được lưu lại, tổng hợp và báo cáo. |
| 13 | Thực hiện test và tổng hợp kết quả cho các hạng mục 3.1; 3.2; 3.3 | TT CƯỚC, COMVERSE, ELCOM | OMC, TT PTDV | 00h30’ sáng 29/11/2014  (Ngày 02) | 04h sáng 29/11/2014  (Ngày 02) | Tổng hợp được kết quả sơ bộ (vòng đầu tiên) cho các hạng mục 3.1; 3.2; 3.3 |
| 14 | Dựa vào kết quả bước 13, Lãnh đạo ra Quyết định tiếp tục/fallback (và thực hiện Fallback nếu q.định Fallback) | TT CƯỚC | ELCOM, COMVERSE | 05h sáng 29/11/2014  (Ngày 02) | 05h sáng 29/11/2014  (Ngày 02) | Quyết định tiếp tục thực hiện, hoặc fall-back HLRs profiles và kiểm tra nếu dịch vụ thoại & SMS bị gián đoạn, ảnh hưởng đối với các thuê bao đợt 1. |
| 15 | Tiếp tục thực hiện test các dịch vụ và theo dõi, kiểm tra việc tính cước trên hệ thống C1-RT đối với thuê bao nhóm 1. Thực hiện toàn bộ các test case, điều kiện từ 3.1 đến 3.6 của tài liệu này. | TT CƯỚC, ELCOM, COMVERSE | OMC, TT PT Dịch vụ | 05h sáng 29/11/2014  (Ngày 02) | Hết ngày 29/11/2014  (Ngày 02) | Thực hiện test các dịch vụ đối với thuê bao nhóm 1, đảm bảo hệ thống sinh cước cho thuê bao nhóm 1, và không làm gián đoạn hay ảnh hưởng đến dịch vụ.  Đảm bảo đưa ra được kết quả cho toàn bộ các mục từ 3.1 đến 3.6 của tài liệu này |
| 16 | Review kết quả các bài test, các bài kiểm tra. Rà soát và tổng hợp các vướng mắc, cách giải quyết, chuẩn bị cho cut-over 5000 thuê bao tiếp theo. | TT CƯỚC | ELCOM, COMVERSE | 09h sáng 01/12/2014  (Ngày 04) |  | Có được báo cáo tổng hợp kết quả của Cut-Over pha 1, kết quả được thể hiện trên các hạng mục từ 3.1 đến 3.6 của tài liệu này. |

1. DANH SÁCH 200 THUÊ BAO CUT-OVER ĐỢT 1

<TT Cước cập nhật danh sách 200 thuê bao vào mục này>